TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HƯNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HS-ST
Ngày: 10/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Văn Kiều;
2. Bà Dương Thị Vui.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 84/2023/HSST ngày 29 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 05/2024/HSST-QĐ ngày 13/3/2024 đối với các bị cáo:

1. Vũ Duy Ứ - Sinh năm 1952 tại Nam Định;

Nơi cư trú: Xóm E, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 03/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; con ông Vũ Duy K, sinh năm 1904, đã chết và bà Khương Thị V, sinh năm 1908, đã chết; Vợ: Vũ Thị C, sinh năm 1955 là bị cáo trong cùng vụ án. Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1988. Tiền án, tiền sự: Không. Vũ Duy Ứ được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" kể từ ngày 26/10/2023 đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Hoài T – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N; vắng mặt.

2. Vũ Thị C - Sinh năm 1955 tại Nam Định;

Nơi cư trú: Xóm E, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 02/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông Vũ Danh Q, sinh năm 1909, đã chết và bà Vũ Thị H, sinh năm 1922, đã chết; Chồng: Vũ Duy Ứ, sinh năm 1952 là bị cáo trong cùng vụ án.

Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1988. Tiền án, tiền sự: Không. Vũ Thị C được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 26/10/2023 đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị N – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N; có mặt.

3. Trần Thị B - Sinh năm 1980 tại Nam Định;

Nơi cư trú: Xóm E, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn P, sinh năm 1952, đã chết và bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1954, hiện đang làm ruộng tại xã N; C: Vũ Duy K1, sinh năm 1978, hiện đang làm ruộng tại xã N. Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Trần Thị B được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 26/10/2023 đến nay; có mặt.

4. Khương Văn T1 - Sinh năm 1980 tại Nam Định;

Nơi cư trú: Xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; con ông Khương Văn T2, sinh năm 1953, đã chết và bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1955, đã chết. Vợ: Vũ Thị V1, sinh năm 1982, hiện đang lao động tự do tại xã N. Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không. Khương Văn T1 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 27/10/2023 đến nay; có mặt.

Bị hại: Ông Vũ Văn H1, sinh năm 1960. Địa chỉ: Xóm E, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Vũ Duy K1, sinh năm 1978; vắng mặt.
- Ông Vũ Văn C1, sinh năm 1955; vắng mặt.
- Ông Vũ Văn D, sinh năm 1964; vắng mặt.
- Ông Vũ Văn N1, sinh năm 1966; vắng mặt.
- Bà Vũ Thị T3, sinh năm 1958; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 08/12/2020, ông Vũ Văn H1 có thuê ông Vũ Văn C1, sinh năm 1955 để xây tường bao tại vị trí phần đất ngõ đi vào nhà anh Vũ Duy K1 (tên gọi khác Vũ Đức T4), sinh năm 1978, ở xóm E, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vì ông H1 cho rằng diện tích đất ngõ trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình mình. Khi ông C1 cùng nhóm thợ xây đang xây dựng thì ông Vũ Duy Ứ, bà Vũ Thị C, chị Trần Thị B là bố mẹ đẻ và vợ anh K1 đến yêu cầu ông H1 dừng xây dựng và trình

báo UBND xã N vì gia đình ông Ứ, bà C cho rằng việc xây dựng tường bao trên phần đất ngõ đi vào nhà anh Vũ Duy K1 làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông bà. Ủy ban nhân dân xã N đã yêu cầu ông H1 dừng việc xây dựng và mời các bên đến UBND xã để làm việc nhưng ông H1 không đồng ý và vẫn yêu cầu ông C1 cùng nhóm thợ tiếp tục xây dựng tường bao. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, ông C1 cùng nhóm thợ đã xây dựng được 01 bức tường có dạng hình chữ U; dài 9,75m, cạnh phía Đông dài 0,92m, cạnh phía Tây dài 01m; tường có 05 trụ kép, 2 trụ cao khoảng 1,2m, 3 trụ cao khoảng 01m; tường đơn xây bằng gạch đỏ, mỗi viên có kích thước (8x8x19)cm trên phần đất ngõ đi vào nhà anh Vũ Duy K1, sau đó nghỉ không xây dựng nữa. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, do bức xúc vì ngõ vào nhà anh K1 chỉ còn chiều rộng là 50cm, gây khó khăn cho việc đi lại nên Vũ Duy Ứ, Vũ Thị C, Trần Thị B và Khương Văn T1 (là em rể anh K1) đã dùng tay, chân đẩy, đạp đổ toàn bộ bức tường trên.

Tại Kết luận số 29/HĐ-ĐGTS ngày 18/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, kết luận: Giá trị của 01 (Một) bức tường xây bằng gạch đỏ có đặc điểm nêu trên là: 6.877.752 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Thửa đất số 753, tờ bản đồ số 3a, diện tích 610m2 ở xóm E, xã N, huyện N là của ông bà Vũ Ngọc L (bố mẹ đẻ ông H1) đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 957895 ngày 19/10/2002. Ông bà Vũ Ngọc L có ba người con là các ông: Vũ Văn H2, Vũ Văn H1 và Vũ Văn D. Ông bà L đã chết nên hiện tại phía Bắc thửa đất ông D đang quản lý, sử dụng; phía Nam thửa đất ông H1 đang quản lý sử dụng và đều đã xây nhà ở kiên cố. Năm 1996, bà Vũ Thị C cho anh K1 quản lý, sử dụng thửa đất số 751, tờ bản đồ số 3a, diện tích 210m2 ở xóm E, xã N (thửa đất trên là của ông bà Vũ Danh Q, bố mẹ đẻ bà C, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bên cạnh thửa đất của ông bà L). Trong quá trình sử dụng, do anh Vũ Duy K1 ở thửa đất bên trong không có lối đi và do đều là anh em con cháu trong gia đình nên ông Vũ Văn H2, Vũ Văn D và bà Vũ Thị T3 là vợ ông H1 (lúc này ông H1 đi làm ăn xa không có ở nhà) đã đồng ý cho anh K1 phần đất kích thước 10 x 1,5m ở phía Nam giáp thửa đất của anh K1 và ông Vũ Văn N1 là cậu ruột đã cho anh K1 phần đất kích thước 11,2 x 2m giáp phần đất ông H2, ông D, bà T3 đã cho K1 để làm ngõ đi lại (việc cho đất không có giấy tờ thể hiện). Anh K1 đã đổ bê tông ngõ đi và sử dụng đi lại từ năm 2011 đến nay. Tháng 2/2017, ông H1 đi làm ăn về, không đồng ý việc gia đình cho đất anh K1 nên anh K1 đã thỏa thuận trả cho ông H1 số tiền 50.000.000 đồng tương đương với phần đất kích thước 10 x 0,5m (có viết giấy mua bán). Ngày 08/12/2020, ông H1 xây tường bao chỉ để lại phần diện tích đất ngõ kích thước 10 x 0,5m như đã thỏa thuận bán cho anh K1 năm 2017 nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Bản cáo trạng số 04/CT-VKSNH ngày 27/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã truy tố bị cáo Vũ Duy Ứ, Vũ Thị C, Trần Thị B và Khương Văn T1 về tội "Huỷ hoại tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng giữ nguyên quan điểm truy tố theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, cụ thể: Vũ Duy Ứ giữ vai trò thứ nhất; Vũ Thị C, Trần Thị B và Khương Văn T1 giữ vai trò đồng phạm đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Duy Ứ từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng, giao bị cáo Vũ Duy Ứ cho Ủy ban nhân dân xã N giám sát giáo dục; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Thị C từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, giao bị cáo Vũ Thị C cho Ủy ban nhân dân xã N giám sát giáo dục; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị B từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, xử phạt bị cáo Khương Văn T1 từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo C, B và T1; đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự để xử lý vật chứng của vụ án; đề nghị áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên toà người bào chữa cho bị cáo Vũ Duy Ứ vắng mặt nhưng đã có quan điểm: Nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng. Bị cáo Vũ Duy Ứ là người cao tuổi đã trên 70 tuổi, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo và cùng các bị cáo khác tự nguyện nộp cho cơ quan điều tra số tiền 6.878.000đồng để bồi thường cho bị hại khắc phục hậu quả. Ngoài ra, bị cáo Vũ Duy Ứ là người cao tuổi có sức khoẻ yếu, là hộ cận nghèo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bị cáo Vũ Duy Ứ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị C trình bày: Nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng. Bị cáo Vũ Thị C phạm tội lần đầu

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo và cùng các bị cáo khác tự nguyện nộp cho cơ quan điều tra số tiền 6.878.000đồng để bồi thường cho bị hại khắc phục hậu quả. Ngoài ra, bị cáo Vũ Thị C là người cao tuổi có sức khoẻ yếu, là hộ cận nghèo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bị cáo C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Tại phiên toà hôm nay qua xét hỏi và tranh luận các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã truy tố bị cáo ra trước phiên toà hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ ngày 08/12/2020, tại xóm E, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, do có mâu thuẫn trong việc tranh chấp đất đai, Vũ Duy Ứ, Vũ Thị C, Trần Thị B và Khương Văn T1 đã có hành vi dùng tay, chân đẩy, đạp đổ 01 bức tường có dạng hình chữ U, dài 9,75m của ông Vũ Văn H1, giá trị thiệt hại là 6.877.752 đồng. Đối chiếu với quy định của Bộ luật Hình sự thấy đủ cơ sở kết luận các bị cáo Vũ Duy Ứ, Vũ Thị C, Trần Thị B và Khương Văn T1 phạm tội "Huỷ hoại tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố các bị cáo với tội danh và khung hình phạt là phù hợp quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, gây nên dư luận xấu trong nhân dân ở khu vực. Vì vậy việc đưa các bị cáo

ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Xét vị trí, vai trò, tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án thấy: Bị cáo Vũ Duy Ứ giữ vai trò thứ nhất trong vụ án; các bị cáo Vũ Thị C, Trần Thị B và Khương Văn T1 giữ vai trò đồng phạm.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố cũng như tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 6.878.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho ông Vũ Văn H1; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Vũ Duy Ứ là người trên 70 tuổi, bị cáo Vũ Duy Ứ và Vũ Thị C đều là người cao tuổi, sức khỏe yếu, thuộc hộ cận nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã có đơn và được chính quyền địa phương xác nhận nên bị cáo Vũ Duy Ứ được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Duy Ứ, Vũ Thị C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Vũ Duy Ứ nhưng để bị cáo cải tạo tại địa phương cũng có thể giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo C, B và T1 cũng có thể cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung (Phạt tiền): Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên toà cho thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo C, B và T1 là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra bị hại là ông Vũ Văn H1 có quan điểm: Nhất trí và không có ý kiến gì đối với Kết luận số 29/HĐ-ĐGTS ngày 18/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, kết luận: Giá trị của 01 (Một) bức tường xây bằng gạch đỏ có đặc điểm nêu trên là: 6.877.752 đồng. Ông H1 có quan điểm đề nghị giải quyết việc bồi thường theo pháp luật. Tại phiên toà ông H1 vắng mặt do vậy buộc các bị cáo Vũ Duy Ứ, Vũ Thị C, Trần Thị B và Khương Văn T1 bồi thường cho ông Vũ Văn H1 giá trị của bức tường là 6.877.752đồng. Trường hợp ông Vũ Văn H1 có yêu cầu gì khác về phần dân sự thì ông H1 có quyền khởi kiện yêu cầu và được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về vật chứng của vụ án: Các bị cáo Vũ Duy Ứ, Vũ Thị C, Trần Thị B và Khương Văn T1 đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 6.878.000đồng để bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cần trả cho bị hại là ông Vũ Văn H1 số tiền này là phù hợp.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Duy Ứ;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Thị C;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị B và Khương Văn T1;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 584; Điều 589; Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 106; Điều 135, Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Duy Ứ, Vũ Thị C, Trần Thị B và Khương Văn T1 phạm tội "Huỷ hoại tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Vũ Duy Ứ 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 10/4/2024.

Giao bị cáo Vũ Duy Ứ cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định nơi cư trú của bị cáo giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Toà án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

3. Xử phạt bị cáo Vũ Thị C 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện N nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

4. Xử phạt bị cáo Trần Thị B 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện N nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

5. Xử phạt bị cáo Khương Văn T1 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện N nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao các bị cáo Vũ Thị C, Trần Thị B và Khương Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định nơi cư trú của các bị cáo giám sát giáo dục. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

6. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Vũ Duy Ứ, Vũ Thị C, Trần Thị B và Khương Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Vũ Văn H1 số tiền 6.878.000 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành xong cho người được thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

Do các bị cáo Vũ Duy Ứ, Vũ Thị C, Trần Thị B và Khương Văn T1 đã tự nguyện giao nộp 6.878.000đồng để khắc phục hậu quả cần đối trừ để trả cho bị hại ông Vũ Văn H1.

7. Xử lý vật chứng:

- Các bị cáo Vũ Duy Ứ, Vũ Thị C, Trần Thị B và Khương Văn T1 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 6.878.000đồng để khắc phục hậu quả xử lý như sau: Bị hại ông Vũ Văn H1 được nhận số tiền do tài sản bị thiệt hại là 6.878.000 đồng.

Toàn bộ vật chứng của vụ án đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng.

8. Về án phí: Buộc các bị cáo Vũ Duy Ứ, Vũ Thị C Trần Thị B và Khương Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, vắng mặt bị hại. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND xã N;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Phạm Hùng Phương